

Số: 51 /BC-SKHĐT

Kiên Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

Về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tính đến ngày 15/4/2021

Thực hiện Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 22/3/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan/đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo UBND tỉnh một số nội dung như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 ĐẾN NGÀY 15/4/2021

1. Tình hình phân bổ, thực hiện và giải ngân vốn

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công được HĐND tỉnh giao theo theo Nghị quyết số 506/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 là 5.198.939 triệu đồng, UBND tỉnh đã ban hành triển khai giao chi tiết vốn đầu tư công cho các Sở, ban ngành và địa phương triển khai thực hiện, đến nay đã giao chi tiết 4.604.913/5.198.939 triệu đồng, đạt 88,57% so Nghị quyết HĐND tỉnh giao. Trong đó: vốn ngân sách địa phương đã giao chi tiết 3.953.390/3.978.390 triệu đồng, đạt 99,37%; vốn ngân sách Trung ương đã giao chi tiết 651.523/1.220.549 triệu đồng, đạt 53,38% Nghị quyết HĐND tỉnh giao; còn lại 594.026 triệu đồng chưa giao chi tiết, chiếm 11,43% kế hoạch vốn năm 2021 (trong đó 390.000 triệu đồng ghi cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, chiếm 7,5% kế hoạch, hiện nay chưa đủ cơ sở phân bổ). Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiếp tục đôn đốc các đơn vị hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục để giao hết vốn đúng theo quy định pháp luật.

Đến ngày 15/4/2021, ước thực hiện giá trị khối lượng hoàn thành là 383.197/4.604.913 triệu đồng, đạt 8,32% kế hoạch; giá trị giải ngân là 348.301/4.604.913 triệu đồng, đạt 7,56% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ năm 2020 là 5,68% (chi tiết Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo).

Có 16 dự án trọng điểm được giao kế hoạch vốn là 2.191.730/4.604.913 triệu đồng chiếm 47,6% kế hoạch vốn. Tình hình giải ngân đến ngày 15/4/2021 là 211.592/2.191.730 triệu đồng, đạt 9,65% kế hoạch (chi tiết Phụ lục III kèm theo).

2. Một số nguyên nhân tỷ lệ giải ngân thấp hơn so cùng kỳ năm 2020

Ngoài những nguyên nhân đã được nêu tại các báo cáo hàng tháng của Sở Kế hoạch và Đầu tư như: một số đơn vị vẫn chưa hoàn thành thủ tục đầu tư để giao kế hoạch vốn; các dự án khởi công mới chậm triển khai các thủ tục đấu thầu xây lắp nên chưa tạm ứng vốn cho nhà thầu, các dự án chuyển tiếp chưa được quan tâm đẩy nhanh tiến độ, lập hồ sơ thanh quyết toán khối lượng hoàn

thành; nhiều đơn vị chưa xây dựng tiến độ chi tiết cho từng dự án/công trình để theo dõi, đôn đốc, quản lý tiến độ; công tác giải phóng mặt bằng, đặc biệt là các dự án ngành giao thông vận tải quản lý; các dự án chậm hoặc phải điều chỉnh hồ sơ, thủ tục mới triển khai...

Bên cạnh đó, những tháng đầu năm phát sinh giá thép xây dựng tăng từ 30% đến 40%, dẫn đến việc các nhà thầu thi công xây dựng chậm triển khai thực hiện các gói thầu đã có kết quả trúng thầu ngay từ đầu năm (đối với loại hợp đồng trọn gói).

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

Trên cơ sở tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các Sở, ban, ngành, các BQL dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các chủ đầu tư một số nhiệm vụ như sau:

1. Tiếp tục thực hiện một số nhiệm vụ đã nêu tại Báo cáo số 37/BC-SKHĐT ngày 22/3/2021, Báo cáo số 46/BC-SKHĐT ngày 12/4/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang.

2. Kiến nghị Sở Xây dựng kịp thời cập nhật biến động giá vật liệu xây dựng, đặc biệt là giá thép xây dựng.

3. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng và các nội dung Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 22/3/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang; Công văn số 2635/VP-KT ngày 23/4/2021 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang.

(Lưu ý: Trường hợp phát hiện thông tin, số liệu chưa chính xác, hoặc trong quá trình triển khai gặp khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị phản hồi về phòng Tổng hợp, Quy hoạch, Kế hoạch - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang, điện thoại: 02973 868.943; mail: thqh.skhd@kiengiang.gov.vn).

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tính đến ngày 15/4/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Sở Thông tin và Truyền thông (đăng trên cổng TTĐT tỉnh);
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng THQHKH, ThTra, ĐT, TD&GSĐT, VP Sở;
- Lưu: VT, txanh.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thống Nhất

DANH SÁCH GỬI VĂN BẢN

1. Ủy ban nhân dân tỉnh
2. Sở Tài chính
3. Sở Xây dựng
4. Sở Thông tin và Truyền thông (đăng trên cổng TTĐT tỉnh)
5. Sở Giao thông vận tải
6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7. Sở Y tế
8. Sở Giáo dục và Đào tạo
9. Sở Văn hóa và Thể thao
10. Sở Tài nguyên và Môi trường
11. Sở Du lịch
12. Sở Nội vụ
13. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
14. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh
15. Công an tỉnh
16. Đài Phát thanh và Truyền hình
17. Văn phòng Tỉnh ủy
18. Văn phòng UBND tỉnh
19. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
20. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
21. Các huyện, thành phố - 15 đơn vị



PHỤ LỤC I
BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021
ĐẾN NGÀY 15/4/2021 - THEO NGUỒN VỐN

(Kèm theo Báo cáo số 54 /BC-SKHĐT ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	NGUỒN VỐN	Kế hoạch năm 2021 (theo NQ HĐND tỉnh giao đầu năm)	Kế hoạch năm 2021 (điều chỉnh)	THTH từ đầu năm đến ngày 15/4/2021				Ghi chú
				Giá trị thực hiện		Tỷ lệ (%)		
				Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	
I	2	3	4	5	6	7 = 5/4	8 = 6/4	9
	TỔNG SỐ	5.198.939	4.604.913	383.197	348.301	8,32%	7,56%	
I	Vốn ngân sách địa phương, trong đó:	3.978.390	3.953.390	280.697	248.276	7,10%	6,28%	
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.019.590	994.590	48.467	47.622	4,87%	4,79%	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.300.000	1.300.000	99.114	87.524	7,62%	6,73%	
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.610.000	1.610.000	122.116	102.801	7,58%	6,39%	
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	48.800	48.800	11.000	10.329	22,54%	21,17%	
II	Vốn ngân sách Trung ương, trong đó:	1.220.549	651.523	102.500	100.025	15,73%	15,35%	
1	Vốn trong nước	1.005.260	441.234	77.500	75.925	17,56%	17,21%	
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực, trong đó:	1.005.260	441.234	77.500	75.925	17,56%	17,21%	
	- 'Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững	200.000						
2	Vốn nước ngoài	215.289	210.289	25.000	24.100	11,89%	11,46%	



PHỤ LỤC II
BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021
ĐẾN NGÀY 15/4/2021 - THEO SỞ BAN NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số 51 /BC-SKHĐT ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang)
Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Theo ngành/địa phương	Kế hoạch năm 2021 (theo NQ HĐND tỉnh giao đầu năm)	Kế hoạch năm 2021 (điều chỉnh)	THTH từ đầu năm đến ngày 15/4/2021			
				Giá trị thực hiện		Tỷ lệ (%)	
				Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	Khối lượng hoàn thành	Giải ngân
1	2	3	4	5	6	7 = 5/4	8 = 6/4
	TỔNG CỘNG	5.198.939	4.604.913	383.197	348.301	8,32%	7,56%
A	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH	2.207.023	1.959.723	213.792	190.849	10,91%	9,74%
1	Công an tỉnh	10.000	6.000	4.900	4.817	81,67%	80,28%
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	543.230	549.730	120.700	117.913	21,96%	21,45%
3	BCH Quân sự tỉnh	5.500	5.500	780	770	14,18%	14,00%
4	Sở Nội vụ	2.000	2.000	178	160	8,90%	8,00%
5	Sở Giao thông vận tải	1.036.000	836.000	68.220	57.966	8,16%	6,93%
6	Sở Văn hóa và Thể thao	53.234	53.234	3.514	3.163	6,60%	5,94%
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10.000	10.000	9.500	334	95,00%	3,34%
8	Văn phòng Tỉnh ủy	37.500	37.500	1.210	1.189	3,23%	3,17%
9	Sở Y tế	210.000	210.000	3.560	3.377	1,70%	1,61%
10	BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	38.200	25.200	400	395	1,59%	1,57%
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	13.000	13.000	176	176	1,35%	1,35%
12	Sở Du lịch	50.000	50.000	654	589	1,31%	1,18%
13	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	-	1.200	-	-	0,00%	0,00%
14	Văn phòng UBND tỉnh	2.900	2.900	-	-	0,00%	0,00%
15	Đài Phát thanh và Truyền hình	12.000	12.000	-	-	0,00%	0,00%
16	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	30.000	30.000	-	-	0,00%	0,00%
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	153.459	115.459	-	-	0,00%	0,00%
B	CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ	2.103.193	2.079.167	169.405	157.452	8,15%	7,57%
1	Huyện Kiên Hải	32.919	40.189	16.538	16.099	41,15%	40,06%
2	Huyện Châu Thành	101.330	64.405	22.039	22.167	34,22%	34,42%
3	Thành phố Hà Tiên	152.856	119.566	24.200	23.576	20,24%	19,72%
4	Huyện An Biên	124.309	59.334	8.530	9.025	14,38%	15,21%
5	Huyện Giồng Riềng	101.456	100.835	11.736	11.578	11,64%	11,48%
6	Thành phố Rạch Giá	379.611	389.791	42.270	38.512	10,84%	9,88%
7	Huyện Vĩnh Thuận	44.945	57.790	5.221	5.035	9,03%	8,71%
8	Huyện Giang Thành	38.350	54.710	3.380	3.261	6,18%	5,96%

TT	Theo ngành/địa phương	Kế hoạch năm 2021 (theo NQ HĐND tỉnh giao đầu năm)	Kế hoạch năm 2021 (điều chỉnh)	THTH từ đầu năm đến ngày 15/4/2021			
				Giá trị thực hiện		Tỷ lệ (%)	
				Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	Khối lượng hoàn thành	Giải ngân
1	2	3	4	5	6	7 = 5/4	8 = 6/4
9	Huyện An Minh	151.216	135.596	4.387	4.383	3,24%	3,23%
10	Thành phố Phú Quốc	697.929	706.014	22.162	21.043	3,14%	2,98%
11	Huyện Kiên Lương	48.511	62.221	4.142	901	6,66%	1,45%
12	Huyện Hòn Đất	57.852	79.282	747	738	0,94%	0,93%
13	Huyện Gò Quao	73.089	87.994	668	668	0,76%	0,76%
14	Huyện U Minh Thượng	54.719	65.274	485	466	0,74%	0,71%
15	Huyện Tân Hiệp	44.101	56.166	2.900	-	5,16%	0,00%
C	Vốn chuẩn bị đầu tư	888.723	566.023	-	-	0,00%	0,00%



PHỤ LỤC III
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số 51 /BC-SKHĐT ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng.

TT	Danh mục dự án/Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý vốn/Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2021 (điều chỉnh)	Trong đó:			Giải ngân đến ngày 15/4/2021	Trong đó:			Tỷ lệ %	Số vốn còn lại	Ghi chú
					NS tỉnh	NSTW	ODA		NS tỉnh	NSTW	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
16	TỔNG CỘNG			2.191.730	1.481.730	500.000	210.000	211.592	121.923	65.569	24.100	9,65%	1.980.138	
A	CẤP TỈNH			1.274.330	729.330	340.000	205.000	152.347	63.678	64.569	24.100	11,96%	1.121.983	
I	Sở Giao thông vận tải			860.000	600.000	260.000	-	51.204	48.139	3.065	-	5,95%	808.796	
1	Dự án ĐT XD công trình cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Sở GTVT	409.993	150.000	150.000			-	-			0,00%	150.000	Chuyển tiếp
2	Dự án ĐT XD công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc	Sở GTVT	919.628	150.000	150.000			25.946	25.946			17,30%	124.054	Chuyển tiếp
3	Dự án ĐT XD công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất	Sở GTVT	952.960	100.000	100.000			22.193	22.193			22,19%	77.807	Chuyển tiếp
4	Dự án ĐT XD công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	Sở GTVT	1.410.719	200.000	200.000			-	-			0,00%	200.000	Khởi công mới
5	Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao)	Sở GTVT	309.000	60.000		60.000		3.065		3.065		5,11%	56.935	Chuyển tiếp
6	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương	Sở GTVT	1.479.922	200.000		200.000		-		-		0,00%	200.000	Khởi công mới
II	Sở Nông nghiệp và PTNT			364.330	79.330	80.000	205.000	101.116	15.512	61.504	24.100	27,75%	263.214	
1	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 -2020	Sở NN và PTNT	96.346	15.000	15.000			5.183	5.183			34,55%	9.817	Chuyển tiếp
2	Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9	Sở NN và PTNT	729.247	199.330	64.330		135.000	34.429	10.329		24.100	17,27%	164.901	Chuyển tiếp
3	Dự án đầu tư xây dựng 18 công trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang	Sở NN và PTNT	1.484.000	80.000		80.000		61.504		61.504		76,88%	18.496	Chuyển tiếp
4	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững (Vnsat)	Sở NN và PTNT	313.499	70.000			70.000	-			-	0,00%	70.000	Chuyển tiếp

TT	Danh mục dự án/ Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý vốn/Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2021 (điều chỉnh)	Trong đó:			Giải ngân đến ngày 15/4/2021	Trong đó:			Tỷ lệ %	Số vốn còn lại	Ghi chú
					NS tỉnh	NSTW	ODA		NS tỉnh	NSTW	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
III	Sở Y tế			50.000	50.000	-	-	27	27	-	-	0,05%	49.973	
1	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường	Sở Y tế	761.195	50.000	50.000			27	27			0,05%	49.973	Chuyển tiếp
B	CẤP HUYỆN			917.400	752.400	160.000	5.000	59.245	58.245	1.000	-	6,46%	858.155	
I	Thành phố Phú Quốc			629.400	464.400	160.000	5.000	19.881	18.881	1.000	-	3,16%	609.519	
1	Các dự án sử dụng vốn đất	Phú Quốc		464.400	464.400			18.881	18.881			4,07%	445.519	
2	Đường trung tâm Bãi Trường đoạn 3 và các đường nhánh	Phú Quốc	1.499.739	160.000		160.000		1.000		1.000		0,63%	159.000	Chuyển tiếp
3	Dự án Quản lý nước bền vững Phú Quốc	Phú Quốc	4.358.000	5.000			5.000	-			-	0,00%	5.000	Khởi công mới
II	Thành phố Rạch Giá			240.000	240.000	-	-	25.962	25.962	-	-	10,82%	214.038	
1	Các dự án sử dụng vốn đất	Rạch Giá		240.000	240.000			25.962	25.962			10,82%	214.038	
III	Thành phố Hà Tiên			48.000	48.000	-	-	13.402	13.402	-	-	27,92%	34.598	
1	Các dự án sử dụng vốn đất	Rạch Giá		48.000	48.000			13.402	13.402			27,92%	34.598	